

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam và Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Cơ quan cấp phép xây dựng hoặc chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 11 như sau:

“1. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận gửi trực tuyến đến tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận độ cao công trình; trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân; đồng thời có văn bản gửi đến cơ quan cấp phép xây dựng địa phương, Cục Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam, Cảng vụ hàng không khu vực và các cơ quan, đơn vị liên quan biết theo thời hạn sau đây:

a) Mười (10) ngày làm việc, đối với các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu nhà ở cao tầng, khu hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, hệ thống cột treo đèn chiếu sáng ở khu vực tĩnh không đầu các sân bay và các công trình quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định này;

b) Mười lăm (15) ngày làm việc đối với các dự án xây dựng khu kinh tế, khu đặc thù, khu công nghiệp cao;

c) Hai mươi (20) ngày làm việc đối với các dự án cáp treo, đường dây tải điện cao thế có chiều dài dưới 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng từ 10 đến 50 trạm;

d) Ba mươi (30) ngày làm việc đối với các dự án đường dây tải điện cao thế có chiều dài trên 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng trên 50 trạm.

2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận độ cao công trình bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

3. Trường hợp không chấp thuận về độ cao công trình, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử trả lời, nêu rõ lý do”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Lập quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trừ sân bay quân sự, sân bay chuyên dùng;

b) Thống nhất quản lý về không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị, quy hoạch xây dựng công trình bảo đảm duy trì hoạt động an toàn của sân bay và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng công bố công khai các bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, độ cao công trình liên quan đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không trong khu vực sân bay có hoạt động hàng không dân dụng; khu vực giới hạn bảo đảm hoạt động bình thường của các đài, trạm vô tuyến điện hàng không; giới hạn chướng ngại vật khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay; thống kê, đánh dấu và công bố danh Mục chướng ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, ngăn ngừa và xử lý các công trình vi phạm bề mặt giới hạn chướng ngại vật ảnh hưởng đến hoạt động bay dân dụng; tuyên truyền, phổ biến tới các cơ quan, đoàn thể, cộng đồng dân cư nơi có sân bay và khu vực lân cận sân bay để duy trì, quản lý các bề mặt giới hạn chướng ngại vật, nhằm đảm bảo an toàn cho mọi hoạt động bay.

4. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập đồ án quy hoạch chung để xây dựng các khu đô thị, khu nhà ở cao tầng, khu hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, khu kinh tế, khu đặc thù, khu công nghệ cao sau khi có văn bản thống nhất với Bộ Tổng Tham mưu để làm cơ sở cấp phép xây dựng.

5. Tổ chức đo đạc, lập sơ đồ, bản đồ chướng ngại vật trong khu vực hoạt động bay dân dụng; cập nhật, công bố thông tin về chướng ngại vật và chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý bề mặt chướng ngại vật hàng không.

6. Chỉ đạo Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không tại cảng hàng không, sân bay dân dụng và các đài, trạm vô tuyến điện hàng không”.

4. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều, phụ lục của Nghị định số 32/2016/NĐ-CP.

a) Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại điểm c khoản 3 Điều 4, khoản 2, khoản 6 Điều 12; Mục 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 32/2016/NĐ-CP;

b) Thay thế Mẫu số 02ĐNCTĐC (đối với cá nhân) tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 32/2016/NĐ-CP bằng Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bãi bỏ cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” tại khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 2 Điều 15;

d) Bãi bỏ Điều 14.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Tổng Tham mưu trưởng quyết định phê duyệt thiết kế chi tiết xây dựng sân bay chuyên dùng”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Điều kiện mở sân bay chuyên dùng:

a) Phục vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế, xã hội;

b) Phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý tỉnh không, quản lý đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khu vực mặt nước, mặt biển, quản lý vùng trời, khu cấm bay, khu hạn chế bay;

c) Chủ sở hữu sân bay đã được cấp Giấy chứng nhận và Giấy đăng ký khai thác sân bay chuyên dùng đối với sân bay đề nghị mở phục vụ mục đích thường xuyên hoạt động bay thương mại”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Trình tự, thủ tục mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước

1. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản vẽ tổng mặt bằng sân bay, mặt bằng chi tiết khu bay; trong đó thể hiện rõ cốt xây dựng, điểm quy chiếu sân bay, kích thước, hướng cơ bản của đường cất, hạ cánh, đường lăn, sân đỗ máy bay và các công trình khác của hạ tầng sân bay; ranh giới khu đất xây dựng sân bay;

c) Thuyết minh mô tả phương án quản lý, khai thác, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, tổ chức điều hành bay, hiệp đồng thông báo bay.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết đề nghị:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực

tuyên qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước;

Trường hợp, hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu;

d) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định mở sân bay chuyên dùng;

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Chủ sở hữu sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu chủ sở hữu sân bay hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản điện tử đến chủ sở hữu sân bay, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Trình tự, thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo

1. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành theo Nghị định này;

b) Các bản vẽ mặt bằng vị trí bãi cát, hạ cánh; tổng mặt bằng khu đất, công trình nhân tạo; mặt bằng chi tiết bãi cát, hạ cánh, trong đó thể hiện rõ cốt xây dựng, điểm quy chiếu, kích thước cơ bản của bãi cát, hạ cánh; vị trí bãi cát, hạ cánh trên công trình nhân tạo; hướng cát, hạ cánh cơ bản; đối với bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, bản vẽ sơ đồ ranh giới khu đất, mặt nước xây dựng.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cát, hạ cánh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, trường hợp có ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng hoặc có liên quan đến quy hoạch vùng, địa phương thì Cục Tác chiến báo cáo Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cát, hạ cánh;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu; Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu;

d) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định mở bãi cát hạ cánh;

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng bãi cát, hạ cánh sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản điện tử đến chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 15 như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị mở bãi cát hạ cánh theo Mẫu số 05 của Phụ lục ban hành theo Nghị định này;

b) Các bản vẽ mặt cắt dọc, cắt ngang thể hiện chiều cao các hệ thống, thiết bị trên boong tàu, mặt bằng và kích thước của mặt boong, kích thước bãi cát hạ cánh trên boong tàu và các bộ phận liên kề, tiếp giáp.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cát, hạ cánh;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu;

d) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định mở bãi cát hạ cánh và gửi văn bản điện tử đến chủ sở hữu tàu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng bãi cát, hạ cánh, sau khi có văn bản thống nhất với Bộ Xây dựng và gửi văn bản điện tử đến chủ sở hữu tàu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Chủ sở hữu sân bay chuyên dùng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu chủ sở hữu sân bay chuyên dùng hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng tạm thời sân bay chuyên dùng sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản điện tử đến chủ sở hữu sân bay và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục giải quyết:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị mở lại sân bay chuyên dùng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì gửi bản điện tử hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở lại sân bay chuyên dùng hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu;

d) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định chấp thuận mở lại sân bay chuyên dùng;

Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị nhận kết quả qua thư điện tử thì gửi qua thư điện tử cho tổ chức, cá nhân”.

11. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, tên điều, mẫu đơn tại các điểm, khoản, điều, phụ lục của Nghị định số 42/2016/NĐ-CP.

a) Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 5 Điều 4, khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 14, khoản 3 Điều 16, khoản 1 Điều 20 và tên của Điều 21;

b) Thay thế các mẫu đơn từ Mẫu số 01 đến Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Nghị định số 42/2016/NĐ-CP bằng các mẫu đơn từ Mẫu số 01 đến Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Nghị định này;

c) Bãi bỏ cụm từ “và thống nhất với Bộ Giao thông vận tải” tại khoản 1 Điều 6.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận độ cao công trình của tổ chức, cá nhân được gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu trước ngày Nghị định này có hiệu lực, việc giải quyết thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

2. Đối với hồ sơ đề nghị mở, mở lại, đóng, đóng tạm thời sân bay chuyên dùng, mở, đóng bãi cất, hạ cánh được gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu trước ngày Nghị định này có hiệu lực, việc giải quyết thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà